VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :1609/VFM.2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 16-09-2019
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
1	BID	390	1.03%
2	BVH	160	0.79%
3	CTD	100	0.64%
4	CTG	690	0.96%
5	DPM	370	0.32%
6	EIB	2,420	2.71%
7	FPT	1,250	4.72%
8	GAS	220	1.48%
9	GMD	620	1.12%
10	HDB	1,590	2.75%
11	HPG	3,820	5.74%
12	MBB	2,920	4.53%
13	MSN	1,080	5.50%
14	MWG	670	5.46%
15	NVL	860	3.54%
16	PNJ	410	2.24%
17	REE	390	0.96%
18	ROS	390	0.69%
19	SAB	160	2.81%
20	SBT	610	0.71%
21	SSI	700	0.99%
22	STB	3,930	2.71%
23	TCB	5,240	7.90%
24	VCB	690	3.76%
25	VHM	810	4.74%
26	VIC	970	7.90%
27	VJC	630	5.79%
28	VNM	1,170	9.51%
29	VPB	3,960	5.45%
30	VRE	1,020	2.30%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,499,046,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,502,939,595

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 3,893,595

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* 16-09-2019	Kỳ trước/*Previous period* 13-09-2019	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	15	0	15
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	430,300,000	431,800,000	-1,500,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	15,060	14,900	160
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	6,489,693,172,888	6,408,785,375,430	80,907,797,459
của một lô ETF/per Creation Unit	1,502,939,595	1,485,234,154	17,705,441
của một chứng chỉ quỹ/per Share	15,029.39	14,852.34	177.05
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	998.98	993.53	5.45

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc/CEO